

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
VĂN PHÒNGCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /VPUB-KSTT

Điện Biên, ngày tháng 6 năm 2025

V/v công khai Quyết định số
1320/QĐ-UBND ngày 27/6/2025
của Chủ tịch UBND tỉnh

Kính gửi:

- Sở Tư pháp;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- UBND các xã, phường.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các Quyết định số 1320/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.

Đến nay, việc nhập, đăng tải công khai dữ liệu 39 thủ tục hành chính (*Danh sách cụ thể tại Phụ lục kèm theo*) được công bố tại Quyết định nêu trên vào Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính của Cổng dịch vụ công quốc gia đã hoàn thành; thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị:

1. Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau sắp xếp)

- Khai thác thông tin, công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Phụ lục kèm theo Công văn này lên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị và niêm yết trên Bảng niêm yết thủ tục hành chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác tại Trung tâm Phục vụ hành chính công theo quy định;

- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân khai thác, tìm hiểu, nộp hồ sơ thủ tục hành chính theo mã số đã công khai.

Lưu ý: Việc niêm yết, công khai/không công khai thực hiện kể từ ngày 01/7/2025 (ngày Quyết định số 1320/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có hiệu lực thi hành).

2. Sở Khoa học và Công nghệ kết nối, đồng bộ các thủ tục hành chính giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Nhận được Văn bản này, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Phạm Thế Xuyên

Phụ lục
DANH SÁCH TTHC TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1320/QĐ-UBND NGÀY 27/6/2025
CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH ĐÃ CÔNG KHAI, TRÊN CƠ SỞ DỮ LIỆU
TTHC CỦA CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
(Kèm theo Công văn số /VPUB-KSTT ngày /6/2025 của Văn phòng UBND tỉnh)

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã thủ tục hành chính	Mức độ DVCTT
I. TTHC thực hiện tại Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử			
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	2.000635.000.00.00.H18	Toàn trình
2	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	2.002516.000.00.00.H18	Toàn trình
II. TTHC cấp xã			
1	Đăng ký khai sinh	1.001193.000.00.00.H18	Toàn trình
2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000528.000.00.00.H18	Toàn trình
3	Đăng ký lại khai sinh	1.004884.000.00.00.H18	Toàn trình
4	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	2.000522.000.00.00.H18	Toàn trình
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.001022.000.00.00.H18	Toàn trình
6	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	2.000779.000.00.00.H18	Toàn trình
7	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000689.000.00.00.H18	Một phần
8	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1.001695.000.00.00.H18	Một phần
9	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.004772.000.00.00.H18	Toàn trình
10	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1.000893.000.00.00.H18	Toàn trình
11	Đăng ký kết hôn	1.000894.000.00.00.H18	Một phần
12	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	2.000806.000.00.00.H18	Một phần
13	Đăng ký lại kết hôn	1.004746.000.00.00.H18	Một phần
14	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước	2.000513.000.00.00.H18	Một phần

	ngoài		
15	Đăng ký khai tử	1.000656.000.00.00.H18	Toàn trình
16	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1.001766.000.00.00.H18	Toàn trình
17	Đăng ký lại khai tử	1.005461.000.00.00.H18	Toàn trình
18	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	2.000497.000.00.00.H18	Toàn trình
19	Đăng ký giám hộ	1.004837.000.00.00.H18	Toàn trình
20	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	1.001669.000.00.00.H18	Toàn trình
21	Đăng ký chấm dứt giám hộ	2.000756.000.00.00.H18	Toàn trình
22	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	2.000756.000.00.00.H18	Toàn trình
23	Đăng ký giám sát việc giám hộ	3.000323.000.00.00.H18	Toàn trình
24	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	3.000322.000.00.00.H18	Toàn trình
25	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1.004859.000.00.00.H18	Toàn trình
26	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	2.000748.000.00.00.H18	Toàn trình
27	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.002189.000.00.00.H18	Toàn trình
28	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	2.000554.000.00.00.H18	Toàn trình
29	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	2.000547.000.00.00.H18	Toàn trình
30	Đăng ký khai sinh lưu động	1.003583.000.00.00.H18	

31	Đăng ký kết hôn lưu động	1.000593.000.00.00.H18	
32	Đăng ký khai tử lưu động	1.000419.000.00.00.H18	
33	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000110.000.00.00.H18	Toàn trình
34	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000094.000.00.00.H18	Một phần
35	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.000080.000.00.00.H18	Một phần
36	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1.004827.000.00.00.H18	Toàn trình
37	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1.004873.000.00.00.H18	Toàn trình
